TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/5 /2017
V/v: Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Hà
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Nhân và ông Lê Dũng Tấn.
Ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Văn Hùng, Thư ký tòa án nhân dân Thiệu Hoá

Mở phiên toà công khai tại trụ sở Tòa án vào ngày 25 tháng 05 năm 2017 để xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: số 55/HNGĐ/TLST ngày 17 tháng 4 năm 2017 Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13 /2017/QĐST/HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991.
Nơi đăng ký NKTT: Thôn Dân Hòa, xã Thiệu Hòa, Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Trần Thị N, Sinh năm 1996.
Nơi đăng ký NKTT: Thôn Dân Hòa, xã Thiệu Hòa, Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 08 tháng 3 năm 2017, bản tự khai ngày 17/4/2017 và tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Quốc T trình bày:

Anh và chị Trần Thị N xây dựng gia đình với nhau ngày 28/10/2013 trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương do kém hiểu biết nên không làm thủ tục Đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.Nguyên nhân là do tính tình không hợp.Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên Anh Chị đã ly thân nhau, mọi quan hệ vợ chồng chấm dứt từ đầu năm 2015 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được anh Trần Quốc T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau, cháu là Trần Quốc V, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014. Ly hôn, nguyện vọng anh Trần Quốc T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, đủ điều kiện nuôi con Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng Anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu toà án giải quyết.

Chị Trần Thị N trình bày:

Chị hoàn toàn thống nhất như khai báo của anh Trần Quốc T. Chị và anh Trần Quốc T xây dựng gia đình với nhau ngày 28/10/2013, trên sự tự

nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, Không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã ly thân nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mọi quan hệ đã chấm dứt, không còn hy vọng chung sống với nhau được nữa, chị cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau, cháu là Trần Quốc V, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014. Ly hôn, nguyện vọng anh Trần Quốc T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu Chị đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh, do điều kiện hoàn cảnh phải đi làm xa nhà không có nơi ăn chốn ở nên chi N nhất trí nhường quyền cho anh T nuôi con, anh T không yêu cầu Chị phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh là hoàn toàn tự nguyện không tự ái cá nhân Chị đồng ý, chị sẽ có trách nhiệm riêng với cháu.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, kinh tế không vướng mắc Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe đương sự trình bầy quan điểm sau cùng.

XÉT THẤY

Về hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, không đăng ký kết hôn. Theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2015 và Nghị Quyết số 35 QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình, thì hôn nhân giữa Anh và Chị đã vi phạm khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và gia đình Việt nam năm 2014 là hôn nhân không hợp pháp. Mặc dù Anh, Chị có tổ chức cưới hỏi, chung sống với nhau đã có con chung nhưng anh, chị không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nay Anh, chị có yêu cầu giải quyết ly hôn, theo khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh chị, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N là vợ chồng để giải phóng cho Anh, Chị.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Quốc V, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014. Ly hôn, nguyện vọng anh Trần Quốc T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Anh, do điều kiện hoàn cảnh phải đi làm xa nhà không có nơi ăn chốn ở nên chi N nhất trí nhường quyền cho anh T nuôi con, Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng Anh là hoàn toàn tự nguyện không tự ái cá nhân chị N đồng ý, chị sẽ có trách nhiệm riêng với cháu.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi và đóng góp nuôi con chung giữa hai Anh, Chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của cháu được chấp nhận.

Về tài sản: Anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết miễn xét.

Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu án phí LHST theo luật định.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 9, 14, 53, 69, 81, 82 và 83 luật hôn nhân gia đình Viêt Nam năm 2014; Nghị Quyết số 35 QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội; Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí: điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Đoạn a, điểm 1.1, tiểu mục 1, Mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con giữa anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N như sau:

Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Quốc V, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014 cho đến khi cháu trưởng thành, chị Trần Thị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh T cho đến khi anh T có yêu cầu, chị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung anh T không được ngăn cấm, cản trở.

Các đương sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án nuôi con, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về tài sản: Anh Trần Quốc T và chị Trần Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết miễn xét.

Về án phí: **A**nh Trần Quốc T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí anh Trần Quốc T đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2014/0001135 ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá được trừ vào tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn.Tuyên bố cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

(Đã ký)

Lê văn Hà